

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2019

“Về vụ ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Trí Trường**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ ông Lâm Hải Trung
2/ bà Nguyễn Thị Hồng Sen
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc Phương
- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: bà Dương Thị Ngọc Hương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2019/TLST –HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2019. Về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: anh Lê Quốc Ph, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 14E/12, ấp Tân Thuận, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: chị Lê Ngọc B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 14E/12, ấp Tân Thuận, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Lê Quốc Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và Lê Ngọc B đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ. Sau khi về làm vợ B không làm tròn bổn phận với chồng với con, mắng chửi cha mẹ chồng cho nên cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên tôi đi làm ăn xa từ đó dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân 06 tháng nay.

Nay tôi thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với Lê Ngọc B.

Về con chung: Tôi và B chung sống có 01 con chung tên Lê Thị Xuân M, sinh năm 2002, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến nguyên đơn tại tòa: Tôi xin được ly hôn với Lê Ngọc B. Vì B đã bỏ nhà đi khoảng 7-8 tháng nay và đang sống với người đàn ông khác. Tôi yêu cầu được nuôi con là Lê Thị Xuân M, sinh năm 2002, không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu về tài sản.

Ý kiến cháu M tại tòa: Mẹ cháu đang sống cùng người đàn ông khác ở Đồng Tháp, cháu xin được ở với cha.

Ý kiến kiểm sát viên:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51,56,58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa anh Lê Quốc Ph và bà Lê Ngọc B. Giao cháu Lê Thị Xuân M cho anh Ph tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không xem xét do không có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí buộc anh Ph phải nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Ngọc B được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Ngọc B.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Ph Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống vợ chồng của anh Ph và chị B không còn hạnh phúc và hiện nay hôn nhân không còn tồn tại là có cơ sở. Bởi lẽ cháu M nay đã 17 tuổi và cháu cũng đã xác định hôn nhân giữa anh Ph và chị B không hạnh phúc và chị B đang sống cùng người đàn ông khác. Chị b có bản khai ý kiến gửi tòa án với nội dung đồng ý ly hôn anh Ph. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ph.

[2.2]. Về con chung: Có 01 con chung Lê Thị Xuân M, sinh năm 2002. Hiện nay con chung đang sống cùng anh Ph. Chị B không có ý kiến gì về việc anh Ph yêu cầu nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Xuân M cho anh Ph

tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. *Về nợ chung*: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Buộc anh Lê Quốc Ph nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 147 ; 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- *Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh Lê Quốc Ph và chị Lê Ngọc B.

2/ *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Lê Thị Xuân M, sinh năm 2002 cho anh Lê Quốc Ph nuôi dưỡng. Chị B có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở chị B thực hiện quyền này.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử không xem xét do không có yêu cầu.

4/ *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Lê Quốc Ph nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Anh Ph đã nộp tạm ứng 300.000đồng theo lai thu số 0002304 ngày 09/4/2019 nên được khấu trừ. Anh Ph không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- THA dân sự huyện Long Hồ;
- UBND xã Tân Hạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Trường